

ĐƠN VỊ: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024.37830856 Fax: 024.37830859

Mã số thuế: 0101218757

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)*

Quý 4 Năm 2023

Hà Nội, tháng 01 năm 2024

MỤC LỤC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 Năm 2023

Tên đơn vị : **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG**

Địa chỉ : Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại : 024.37830856

Fax: 024.37830859

Mã số thuế : 0101218757

1. Bảng cân đối kế toán
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
4. Thuyết minh báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2023 (Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/12/2023)	Số đầu năm (01/01/2023)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.793.478.106.405	1.935.939.118.865
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.002.166.082.799	643.854.277.468
1. Tiền	111		409.666.082.799	502.858.202.320
2. Các khoản tương đương tiền	112		592.500.000.000	140.996.075.148
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		167.072.661.600	118.826.061.600
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	205.442.500	205.442.500
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	166.867.219.100	118.620.619.100
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.290.422.165.374	814.284.495.302
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	726.857.023.716	696.625.993.304
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	286.614.249.896	39.805.556.343
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	1.300.000.000	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	275.650.891.762	77.852.945.655
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		305.162.936.466	336.215.620.510
1. Hàng tồn kho	141	V.7	305.162.936.466	336.215.620.510
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		28.654.260.166	22.758.663.985
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	56.446.970	2.386.361
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		28.597.813.196	21.937.327.002
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	818.950.622
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2023 (Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023)

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/12/2023)	Số đầu năm (01/01/2023)
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		787.921.873.960	985.812.870.127
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	200.000.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	200.000.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		33.135.632.081	41.151.301.325
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	32.302.919.681	40.003.731.710
<i>Nguyên giá</i>	222		276.475.782.261	279.525.425.049
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(244.172.862.580)	(239.521.693.339)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	832.712.400	1.147.569.615
<i>Nguyên giá</i>	228		1.561.096.000	2.700.040.090
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(728.383.600)	(1.552.470.475)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.811.441.527	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	1.811.441.527	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		752.351.276.204	743.961.276.204
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2c	741.602.276.204	743.202.276.204
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	759.000.000	759.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2c	-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	9.990.000.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		623.524.148	700.292.598
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	623.524.148	700.292.598
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.581.399.980.365	2.921.751.988.992

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2023 (Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023)

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/12/2023)	Số đầu năm (01/01/2023)
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		2.446.183.199.037	1.931.236.069.530
I. Nợ ngắn hạn	310		2.445.499.109.296	1.729.552.579.789
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	216.715.901.357	225.640.518.545
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	1.262.133.795.158	655.660.423.699
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	12.689.441.489	1.168.459.850
4. Phải trả người lao động	314		14.429.702.466	14.870.042.162
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	4.519.534.114	3.877.001.495
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	4.699.168.139	4.465.259.480
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	923.716.493.050	812.688.825.412
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.18a	0	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	6.595.073.523	11.182.049.146
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		684.089.741	201.683.489.741
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	-	200.999.400.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.18b	684.089.741	684.089.741
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNGĐịa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2023 (Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023)

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/12/2023)	Số đầu năm (01/01/2023)
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.135.216.781.328	990.515.919.462
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	1.135.216.781.328	990.515.919.462
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		629.995.540.000	629.995.540.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		629.995.540.000	629.995.540.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		17.732.079.678	17.732.079.678
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		41.352.798.365	41.352.798.365
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		446.136.363.285	301.435.501.419
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		238.435.947.419	301.435.501.419
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		207.700.415.866	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.581.399.980.365	2.921.751.988.992

Người lập biểu



Lê Thị Hà

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thu

Lập, ngày 30 tháng 01 năm 2024

Tổng Giám đốc



Trần Anh Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2023 (Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 4 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.251.416.122.417	782.013.297.082	2.941.702.535.451	2.320.034.536.260
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.251.416.122.417	782.013.297.082	2.941.702.535.451	2.320.034.536.260
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.173.903.708.153	769.605.072.034	2.781.063.995.524	2.201.103.325.076
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		77.512.414.264	12.408.225.048	160.638.539.927	118.931.211.184
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	81.682.117.752	68.799.872.686	168.773.331.685	100.467.757.236
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	12.627.801.885	15.366.312.481	59.214.749.130	51.491.707.870
Trong đó: chi phí lãi vay	23		12.580.147.877	15.235.486.969	58.789.903.447	50.972.671.871
8. Chi phí bán hàng	25					-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	14.708.212.568	15.403.675.347	42.158.519.053	46.532.876.149
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		131.858.517.563	50.438.109.906	228.038.603.429	121.374.384.401
11. Thu nhập khác	31	VI.6	81.488.375	991.171.115	390.579.284	16.221.643.358
12. Chi phí khác	32	VI.7	(12.400.000)	788.026.568	766.229.325	11.952.155.448
13. Lợi nhuận khác	40		93.888.375	203.144.547	(375.650.041)	4.269.487.910
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		131.952.405.938	50.641.254.453	227.662.953.388	125.643.872.311
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	11.992.564.718	(562.861.812)	19.962.537.522	11.648.354.878
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52				-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		119.959.841.220	51.204.116.265	207.700.415.866	113.995.517.433
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	-	-	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	-	-	-	-

Người lập biểu



Lê Thị Hà

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thu

Lập, ngày 30 tháng 01 năm 2024

Tổng Giám đốc



Trần Anh Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2023 (Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 4 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		227.662.953.388	125.643.872.311
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9	10.067.669.244	12.776.030.874
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(152.725.691.011)	(94.152.714.784)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	58.770.812.056	50.972.671.871
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		143.775.743.677	95.239.860.272
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(280.784.246.739)	(102.092.658.676)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		31.052.684.044	119.154.075.666
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		596.875.361.073	108.572.420.858
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		22.707.841	10.594.939.140
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(58.847.049.043)	(52.602.871.870)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(7.255.824.116)	(18.627.024.077)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.19	(4.586.975.623)	(4.642.901.872)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		420.252.401.114	155.595.839.441
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(3.863.441.527)	(20.798.549.132)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		309.090.909	5.850.754.313
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(609.546.600.000)	(115.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		550.010.000.000	83.722.328.767
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2c	-	(42.349.566.113)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.600.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		152.521.641.197	87.148.537.716
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		91.030.690.579	(1.426.494.449)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2023 (Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17	1.115.316.695.232	1.152.112.515.789
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	(1.205.288.427.594)	(1.112.948.971.189)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.20	(62.999.554.000)	(62.999.554.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(152.971.286.362)	(23.836.009.400)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		358.311.805.331	130.333.335.592
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	643.854.277.468	513.520.941.876
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	1.002.166.082.799	643.854.277.468

Người lập biểu



Lê Thị Hà

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thu

Lập, ngày 30 tháng 01 năm 2024

Tổng Giám đốc



Trần Anh Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2023 (Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đạt Phương (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây lắp, dịch vụ và kinh doanh bất động sản.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông thủy lợi; đầu tư xây dựng các công trình thủy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp đến 35KV; thuê và cho thuê các máy móc, thiết bị ngành xây dựng; kinh doanh bất động sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Xây dựng Đạt Phương số 1	Tầng 12A, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông thủy lợi	70,00%	70,00%	70,00%
Công ty Cổ phần Xây dựng Đạt Phương số 2	Tầng 4, tòa nhà BSI Tower, 193-195-197 đường Nguyễn Thị Nhung, KĐT Vạn phúc, phường Hiệp Bình Phước, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông thủy lợi	70,00%	70,00%	70,00%
Công ty Cổ phần Thủy điện Đạt Phương Sông Bung	Thôn Pà Dấu 2, thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam	Sản xuất và kinh doanh điện năng	61,32%	61,32%	61,32%
Công ty Cổ phần Thủy điện Đạt Phương Sơn Trà	Thôn Mang Trãi, xã Sơn Lập, huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi	Sản xuất và kinh doanh điện năng	68,30%	68,30%	68,30%
Công ty Cổ phần Đạt Phương Hội An	Số nhà SH1,2 khu đô thị Casamia, thôn Vống Nhi, xã Cẩm Thanh, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam	Kinh doanh bất động sản	88,89%	88,89%	88,89%
Công ty TNHH Thực phẩm Bee	Tầng 4, tòa nhà BSI Tower, 193-195-197 đường Nguyễn Thị Nhung, KĐT Vạn phúc, phường Hiệp Bình Phước, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất và kinh doanh điện mặt trời áp mái	100%	100%	100%
Công ty TNHH Fukunana	Tầng 4, tòa nhà BSI Tower, 193-195-197 đường Nguyễn Thị Nhung, KĐT Vạn phúc, phường Hiệp Bình Phước, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất và kinh doanh điện mặt trời áp mái	100%	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2023 (Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày 31/12/2023, Công ty có 178 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 202 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2023 (Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền lãi, cổ tức bằng tiền của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức bằng tiền của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính. Trường hợp cổ phiếu đã niêm yết trên thị trường chứng khoán không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, cổ phiếu đã niêm yết bị hủy niêm yết, bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch: việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của công ty được đầu tư mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Công ty so với tổng số vốn điều lệ thực góp.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền đi động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2023 (Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2023 (Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định như sau:

$$\begin{array}{r} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{kinh doanh} \\ \text{dở dang cuối kỳ} \end{array} = \frac{\begin{array}{r} \text{Chi phí SXKD} \\ \text{dở dang đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Chi phí SXKD} \\ \text{phát sinh trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{r} \text{Doanh thu phát sinh} \\ \text{trong kỳ} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Giá trị sản lượng} \\ \text{dở dang cuối kỳ} \end{array}} \times \begin{array}{r} \text{Giá trị} \\ \text{sản lượng} \\ \text{dở dang} \\ \text{cuối kỳ} \end{array}$$

$$\text{Trong đó: } \begin{array}{r} \text{Giá trị sản lượng dở} \\ \text{dang cuối kỳ} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Khối lượng dở dang} \\ \text{cuối kỳ theo kiểm kê} \end{array} \times \begin{array}{r} \text{Đơn giá hợp đồng} \\ \text{ký với CĐT} \end{array}$$

Giá xuất kho nguyên vật liệu được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2023 (Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 06
Máy móc và thiết bị	03 – 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	02 – 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05
Tài sản cố định khác	03 – 04

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Nhãn hiệu, tên thương mại

Nguyên giá của nhãn hiệu, tên thương mại bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Nhãn hiệu, tên thương mại được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2023 (Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Trái phiếu thường

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2023 (Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy, đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2023 (Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ (31/12/2023)	Số đầu năm (01/01/2023)
Tiền mặt	274.711.128	424.875.552
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	409.391.371.671	502.433.326.768
Các khoản tương đương tiền (là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	592.500.000.000	140.996.075.148
Cộng	1.002.166.082.799	643.854.277.468

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ (31/12/2023)			Số đầu năm (01/01/2023)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý Dự phòng		Giá gốc	Giá trị hợp lý Dự phòng	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (16.450 cổ phiếu)	205.442.500	713.930.000		205.442.500	563.482.800	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2023 (Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ (31/12/2023)		Số đầu năm (01/01/2023)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	166.867.219.100	166.867.219.100	118.620.619.100	118.620.619.100
Tiền gửi có kỳ hạn	166.867.219.100	166.867.219.100	118.620.619.100	118.620.619.100
Dài hạn	9.990.000.000	9.990.000.000		
Trái phiếu Vietinbank(*)	9.990.000.000	9.990.000.000		
Cộng	176.857.219.100	176.857.219.100	118.620.619.100	118.620.619.100

(*) Trái phiếu Vietinbank là 100.000TP phát hành ngày 20/07/2023, tổng mệnh giá 10.000.000.000 VND. Thời hạn trái phiếu là 10 năm, Lãi suất trái phiếu bằng Lãi suất tham chiếu cộng (+) 1,3%/năm. "Lãi suất tham chiếu" là lãi suất tính theo tỷ lệ phần trăm trên năm (%/năm), dùng để xác định lãi suất trái phiếu vào mỗi kỳ tính lãi hoặc mỗi kỳ thanh toán lãi. Lãi suất tham chiếu là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) được công bố tại ngày xác định lãi suất trên trang thông tin điện tử chính thức của ngân hàng tham chiếu (gồm 4 ngân hàng là: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam).

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ (31/12/2023)		Số đầu năm (01/01/2023)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	741.602.276.204		743.202.276.204	
Công ty Cổ phần xây dựng Đạt Phương số 1 ⁽ⁱ⁾	21.000.000.000		21.000.000.000	
Công ty cổ phần xây dựng Đạt Phương số 2 ⁽ⁱⁱ⁾	21.000.000.000		21.000.000.000	
Công ty Cổ phần thủy điện Đạt Phương Sông Bung ⁽ⁱⁱⁱ⁾	116.508.000.000		116.508.000.000	
Công ty Cổ phần thủy điện Đạt Phương Sơn Trà ^(iv)	383.850.000.000		383.850.000.000	
Công ty Cổ phần Đạt Phương Hội An ^(v)	152.000.000.000		152.000.000.000	
Công ty TNHH thực phẩm BEE ^(vi)	31.970.940.713		32.970.940.713	
Công ty TNHH FUKUNANA ^(vii)	15.273.335.491		15.873.335.491	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	759.000.000		759.000.000	
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cầu Đồng Nai ^(viii)	759.000.000		759.000.000	
Cộng	742.361.276.204		743.961.276.204	

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109936615 ngày 18 tháng 3 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty Cổ phần Xây dựng Đạt Phương số 1 có vốn điều lệ là 30.000.000.000 VND. Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây dựng Đạt Phương số 1 21.000.000.000 VND, sở hữu 2.100.000 cổ phiếu, chiếm 70,00% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ vốn cam kết.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310295378 ngày 01 tháng 9 năm 2010, thay đổi lần thứ 6 ngày 24 tháng 3 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty Cổ phần Xây dựng Đạt Phương số 2 (tên cũ là Công ty TNHH MTV Đạt Phương Sài Gòn) có vốn điều lệ là 30.000.000.000 VND. Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây dựng Đạt Phương số 2 21.000.000.000 VND, sở hữu 2.100.000 cổ phiếu, chiếm 70,00% vốn điều lệ (số đầu năm 5.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ). Công ty đã góp đủ vốn cam kết.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 01030542893 ngày 09 tháng 3 năm 2009, thay đổi lần 13 ngày 09 tháng 5 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp, Công ty Cổ phần Thủy điện Đạt Phương Sông Bung (tên cũ là Công ty Cổ phần Sông Bung) có vốn điều lệ là 190.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2023 (Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- điện Đạt Phương Sông Bung 116.508.000.000 VND, sở hữu 11.650.800 cổ phiếu, chiếm 61,32% vốn điều lệ (không thay đổi so với số đầu năm).
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4300506732 ngày 24 tháng 3 năm 2010, thay đổi lần 10 ngày 09 tháng 5 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp, Công ty Cổ phần Thủy điện Đạt Phương Sơn Trà (tên cũ là Công ty Cổ phần 30-4 Quảng Ngãi) có vốn điều lệ là 562.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Đạt Phương Sơn Trà 383.850.000.000 VND, sở hữu 38.385.000 cổ phiếu, chiếm 68,30% vốn điều lệ (không thay đổi so với số đầu năm).
- (v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4001115346 ngày 10 tháng 7 năm 2017, thay đổi lần thứ 4 ngày 22 tháng 11 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp, Công ty Cổ phần Đạt Phương Hội An có vốn điều lệ là 171.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Đạt Phương Hội An 152.000.000.000 VND, sở hữu 15.200.000 cổ phiếu, chiếm 88,89% vốn điều lệ (không thay đổi so với số đầu năm).
- (vi) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3401035943 ngày 04 tháng 12 năm 2012, thay đổi lần thứ 7 ngày 13 tháng 12 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty TNHH Thực phẩm Bee có vốn điều lệ là 25.000.000.000 VND. Trong năm 2022, Công ty đã mua 100% vốn điều lệ của Công ty này.
- (vii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313132195 ngày 09 tháng 02 năm 2015, thay đổi lần thứ 8 ngày 07 tháng 12 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty TNHH Fukunana có vốn điều lệ là 7.000.000.000 VND. Trong năm 2022, Công ty đã mua 100% vốn điều lệ của Công ty này.
- (viii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty nắm giữ 75.900 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu Đồng Nai, tương đương 0,12% vốn điều lệ (không thay đổi so với số đầu năm).

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư chưa có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

Tình hình hoạt động của các công ty con

Các công ty con đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con như sau:

	<u>Quý 4 năm 2023</u>	<u>Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023</u>
Công ty cổ phần xây dựng Đạt Phương số 1		
Doanh thu cho thuê thiết bị	6.856.997.066	21.717.652.895
Bán TSCĐ cho ĐP số 1	-	100.000.000
Mua khối lượng xây lắp của Đạt Phương số 1	386.524.711.946	785.419.783.493
Mua dịch vụ từ công ty con	710.450.000	1.634.750.000
Công ty cổ phần xây dựng Đạt Phương số 2		
Doanh thu cho thuê thiết bị	6.819.554.689	23.716.389.646
Mua khối lượng xây lắp của Đạt Phương số 2	410.439.070.084	1.157.366.757.885
Mua dịch vụ từ công ty con	342.000.000	790.500.000
Công ty cổ phần thủy điện Đạt Phương Sông Bung		
Nhận cổ tức được chia từ Sông Bung	34.952.400.000	58.254.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2023 (Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Quý 4 năm 2023	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023
Công ty cổ phần thủy điện Đạt Phương Sơn Trà		
Doanh thu thực hiện TĐ Sơn Trà 1C		
Nhận cổ tức được chia từ Đạt Phương Sơn Trà	38.385.000.000	76.770.000.000
Lãi cho Công ty con vay	1.541.753.425	1.541.753.425
Công ty cổ phần Đạt Phương Hội An		
Doanh thu cho thuê thiết bị cho ĐP Hội An	-	112.000.000
Doanh thu XL hạ tầng khu Võng Nhi	866.124.541	866.124.541
Doanh thu XL nhà ở khu Võng Nhi	2.683.718.580	4.310.384.292
Doanh thu XL hạ tầng khu Cồn Tiến	3.325.677.040	3.325.677.040
Doanh thu hỗ trợ dịch vụ quản lý	8.291.666.667	32.865.151.518
Lãi chậm trả HĐ nhà ở Võng Nhi và Hạ tầng Cồn Tiến	3.904.224.889	15.625.323.629
Thu hộ lãi trái phiếu	20.949.160.177	36.899.224.560
Bán TSCĐ cho ĐP Hội An	-	100.000.000
Công ty TNHH thực phẩm BEE		
Chuyển lợi nhuận về công ty mẹ		1.000.000.000
Công ty TNHH FUKUNANA		
Chuyển lợi nhuận về công ty mẹ		600.000.000

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ (31/12/2023)	Số đầu năm (01/01/2023)
Phải thu các bên liên quan		
Công ty cổ phần XD Đạt Phương số 1	9.506.238.971	9.209.354.401
Công ty cổ phần XD Đạt Phương số 2	9.933.018.469	9.931.477.274
Công ty Cổ phần thủy điện Đạt Phương Sơn Trà	-	64.800.000
Công ty cổ phần Đạt Phương Hội An	331.208.326.879	287.725.272.823
Phải thu các khách hàng khác		
Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Nam	23.699.115.063	79.753.057.862
Ban quản lý các khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Quảng Nam ⁽ⁱ⁾	33.800.845.654	33.800.845.654
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Đại Quang Minh	49.725.145.914	48.008.539.844
Ban quản lý dự án 7	42.681.309.000	56.871.830.000
Kumho Engineering and Construction Co.,Ltd	49.209.099.462	
Các khách hàng khác	177.093.924.304	171.260.815.446
Cộng	726.857.023.716	696.625.993.304

- ⁽ⁱ⁾ Khoản phải thu liên quan đến hợp đồng xây dựng – chuyển giao (BT) dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Km0+317 trên tuyến đường dẫn phía Bắc cầu Cửa Đại, sẽ được hoàn trả bằng quỹ đất theo hình thức đổi đất lấy cơ sở hạ tầng. Quỹ đất được hoàn trả gồm Khu đô thị Đồng Nà (Bến Trĩ), thành phố Hội An: 6ha; Khu đô thị Võng Nhi, thành phố Hội An: 15ha; Khu đô thị Cồn Tiến, thành phố Hội An: 30ha; Khu đô thị Nổi Rang, huyện Duy Xuyên: 25ha. Năm 2018, đã hoàn trả và làm thủ tục đổi trừ giá trị quyền sử dụng đất của Khu đô thị Võng Nhi. Năm 2019, đã hoàn trả và làm thủ tục đổi trừ giá trị quyền sử dụng đất của Khu đô thị Đồng Nà và Khu đô thị Nổi Rang.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2023 (Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ (31/12/2023)	Số đầu năm (01/01/2023)
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>2.637.898.072</i>	<i>-</i>
Công ty cổ phần XD Đạt Phương số 1	2.637.898.072	-
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	<i>283.976.351.824</i>	<i>39.805.556.343</i>
Công ty cổ phần đầu tư hạ tầng Đông Sơn	75.635.811.827	
Công ty cổ phần xây dựng Nam Việt JSC	140.810.729.939	
Công ty cổ phần cầu đường 10 CIENCO1	3.013.586.690	9.467.572.813
Các nhà cung cấp khác	64.516.223.368	30.337.983.530
Cộng	286.614.249.896	39.805.556.343

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ (31/12/2023)	Số đầu năm (01/01/2023)
<i>Phải thu về cho vay các bên liên quan</i>		
<i>Phải thu về cho vay các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>1.300.000.000</i>	
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Khánh Hòa	1.300.000.000	
Cộng	1.300.000.000	

6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ (31/12/2023)		Số đầu năm (01/01/2023)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>249.634.122.529</i>		<i>12.734.897.969</i>	
Công ty cổ phần Đạt Phương Hội An	249.634.122.529		12.734.897.969	
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>26.016.769.233</i>		<i>65.118.047.686</i>	
Tạm ứng	24.201.707.576		63.020.493.904	
Dự thu lãi tiền gửi tiết kiệm			333.283.279	
Tạm ứng kinh phí giải phóng mặt bằng	945.540.280		945.540.280	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	869.521.377		818.730.223	
Cộng	275.650.891.762		77.852.945.655	

6b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản phải thu Công ty Cổ phần Đạt Phương Hội An (Công ty con) theo hợp đồng cung cấp vốn ngày 18 tháng 11 năm 2021. Theo đó, toàn bộ số tiền Công ty thu được từ đợt phát hành trái phiếu năm 2021 được chuyển cho Công ty con để thực hiện Dự án Khu đô thị Cồn Tiến, xã Cẩm Thanh, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam, thời hạn cấp vốn và lãi suất theo phương án phát hành trái phiếu (xem thuyết minh V.17b).

	Số cuối kỳ (31/12/2023)		Số đầu năm (01/01/2023)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>			<i>200.000.000.000</i>	
Công ty cổ phần Đạt Phương Hội An			200.000.000.000	
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>			<i>0</i>	
Cộng			200.000.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2023 (Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ (31/12/2023)		Số đầu năm (01/01/2023)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu				
Công cụ, dụng cụ				
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	305.162.936.466		336.215.620.510	
Cộng	305.162.936.466		336.215.620.510	

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ (31/12/2023)	Số đầu năm (01/01/2023)
Chi phí công cụ dụng cụ		
Chi phí bảo hiểm	19.696.970	2.386.361
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	36.750.000	
Cộng	56.446.970	2.386.361

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ (31/12/2023)	Số đầu năm (01/01/2023)
Chi phí công cụ dụng cụ	529.816.506	500.763.192
Chi phí bảo hiểm		
Chi phí sửa chữa		
Các chi phí trả trước dài hạn khác	93.707.642	199.529.406
Cộng	623.524.148	700.292.598

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2023 (Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm (01/01/2023)	478.825.050	215.783.048.288	58.467.485.739	705.109.446	4.090.956.526	279.525.425.049
Mua trong năm		2.000.000.000		52.000.000		2.052.000.000
Đầu tư XD CB hoàn thành						-
Thanh lý, nhượng bán		(4.065.278.788)	(1.036.364.000)			(5.101.642.788)
Số cuối kỳ (31/12/2023)	478.825.050	213.717.769.500	57.431.121.739	757.109.446	4.090.956.526	276.475.782.261
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	478.825.050	179.187.914.011	35.952.481.739	464.053.538	2.919.340.364	219.002.614.702
Chờ thanh lý						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm (01/01/2023)	478.825.050	194.175.374.781	41.428.196.967	517.659.977	2.921.636.564	239.521.693.339
Khấu hao trong năm		5.567.413.234	3.645.479.560	137.358.545	402.560.690	9.752.812.029
Thanh lý, nhượng bán		(4.065.278.788)	(1.036.364.000)			(5.101.642.788)
Số cuối kỳ (31/12/2023)	478.825.050	195.677.509.227	44.037.312.527	655.018.522	3.324.197.254	244.172.862.580
Giá trị còn lại						
Số đầu năm (01/01/2023)	-	21.607.673.507	17.039.288.772	187.449.469	1.169.319.962	40.003.731.710
Số cuối kỳ (31/12/2023)		18.040.260.273	13.393.809.212	102.090.924	766.759.272	32.302.919.681

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng

Đang chờ thanh lý

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 5.447.483.901 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2023 (Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

	Nhãn hiệu, tên thương mại (*)	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.281.096.000	1.418.944.090	2.700.040.090
Mua trong kỳ			
Giảm khác		(1.138.944.090)	(1.138.944.090)
Số cuối kỳ	1.281.096.000	280.000.000	1.561.096.000
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	280.000.000	280.000.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	192.164.400	1.360.306.075	1.552.470.475
Khấu hao trong kỳ	256.219.200	58.638.015	314.857.215
Giảm khác		(1.138.944.090)	(1.138.944.090)
Số cuối kỳ	448.383.600	280.000.000	728.383.600
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	1.088.931.600	58.638.015	1.147.569.615
Số cuối kỳ	832.712.400	0	832.712.400
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

(*) Là chi phí nhận diện thương hiệu Tập đoàn.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí đầu tư gia công bộ xe đúc hẫng

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ (31/12/2023)	Số đầu năm (01/01/2023)
Phải trả các bên liên quan	73.760.437.373	107.322.620.640
Công ty cổ phần xây dựng Đạt Phương số 1		15.827.237.518
Công ty cổ phần xây dựng Đạt Phương số 2	73.760.437.373	91.495.383.122
Phải trả các nhà cung cấp khác	142.955.463.984	118.317.897.905
Công ty cổ phần Núi Hồng	19.951.375.722	17.937.484.702
Công ty TNHH xây dựng Phú Vinh	6.761.512.473	14.061.512.473
Các nhà cung cấp khác	116.242.575.789	86.318.900.730
Cộng	216.715.901.357	225.640.518.545

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2023 (Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ (31/12/2023)	Số đầu năm (01/01/2023)
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>		
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	1.262.133.795.158	655.660.423.699
Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng khu vực Phú Quốc	6.363.450.945	44.337.658.522
Ban Quản lý Dự án Thành phần 2	230.699.111.000	343.697.630.000
Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng khu vực Khu kinh tế, CN		80.052.954.456
Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh		32.425.980.707
BQLDA Đầu tư xây dựng công trình GT tỉnh Thừa Thiên Huế		48.631.107.000
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	507.626.977.000	
Ban Quản lý các dự án Đường thủy	183.616.066.837	
Các khách hàng khác	333.828.189.376	106.515.093.014
Cộng	1.262.133.795.158	655.660.423.699

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa		-	26.894.946.691	(26.894.946.691)		
Thuế thu nhập doanh nghiệp		818.950.622	19.962.537.522	(7.255.824.116)	11.887.762.784	
Thuế thu nhập cá nhân	1.058.701.528	-	7.585.359.636	(7.846.182.494)	797.878.670	
Thuế tài nguyên	67.153.960	-	0	(67.153.960)		
Thuế môn bài		-	4.000.000	(4.000.000)		
Các loại thuế khác			76.457.271	(76.457.271)		
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	42.604.362	-	110.401.803	(149.206.130)	3.800.035	
Cộng	1.168.459.850	818.950.622	54.633.702.923	(42.293.770.662)	12.689.441.489	

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2023 (Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Quý 4 năm 2023	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	176.640.062.846	227.662.953.388
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.927.760.984	6.313.225.436
<i>Thù lao thành viên HĐQT không trực tiếp điều hành</i>	1.025.000.000	2.029.000.000
<i>Chi phí khấu hao xe ô tô tương ứng với phần nguyên giá vượt trên 1,6 tỷ đồng.</i>	1.389.886.664	2.779.773.332
<i>Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ</i>	512.874.320	1.504.452.104
- Các khoản điều chỉnh giảm	0	0
Thu nhập chịu thuế	179.567.823.830	233.976.178.824
Thu nhập được miễn thuế	(80.615.645.006)	(135.024.000.000)
Thu nhập tính thuế	98.952.178.824	98.952.178.824
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	19.790.435.765	19.790.435.765
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	0	172.101.757
Tổng Thuế thu nhập DN còn phải nộp	19.790.435.765	19.962.537.522

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác cát, đá với mức thuế suất lần lượt 15% và 10%.

Các loại thuế khác: Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ (31/12/2023)	Số đầu năm (01/01/2023)
Phải trả các bên liên quan		
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	4.519.534.114	3.877.001.495
Trích trước chi phí	837.342.333	118.572.727
Dự trả lãi trái phiếu	3.682.191.781	3.758.428.768
Cộng	4.519.534.114	3.877.001.495

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2023 (Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ (31/12/2023)	Số đầu năm (01/01/2023)
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	4.699.168.139	4.465.259.480
Kinh phí công đoàn	1.409.242.991	1.548.684.331
BHXH; BHYT; BHTN		
Thuế TNCN phải trả lại người lao động	1.835.993.219	1.804.364.827
Phải trả các cá nhân về chi phí đã chi	89.699.226	151.666.129
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.364.232.703	960.544.193
Cộng	4.699.168.139	4.465.259.480

17. Vay

17a. Vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ (31/12/2023)	Số đầu năm (01/01/2023)
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	723.716.493.050	811.268.449.730
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long ⁽ⁱ⁾	379.302.395.587	319.777.105.122
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long ⁽ⁱⁱ⁾	268.563.231.775	433.237.755.391
Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- CN Thăng Long ⁽ⁱⁱⁱ⁾	75.850.865.688	58.253.589.217
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.33b)</i>	0	1.420.375.682
<i>Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.17b)</i>	200.000.000.000	
Cộng	923.716.493.050	812.688.825.412

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long với hạn mức tín dụng là 550.000.000.000 VND để thanh toán công nợ với nhà cung cấp với lãi suất áp dụng cho từng món vay được quy định trong khế ước nhận nợ, thời hạn vay từ 06 đến 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố tài sản của các cá nhân là bên liên quan với Công ty có ký hợp đồng cho mượn tài sản để cầm cố (Xem thuyết minh VIII.1).

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thăng Long với hạn mức tín dụng là 540.000.000.000 VND để thanh toán công nợ với nhà cung cấp với lãi suất áp dụng cho từng món vay được quy định trong khế ước nhận nợ, thời hạn vay từ 06 đến 12 tháng.

(iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long với hạn mức tín dụng là 300.000.000.000 VND để thanh toán công nợ với nhà cung cấp với lãi suất áp dụng cho từng món vay được quy định trong khế ước nhận nợ, thời hạn vay từ 03 đến 12 tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2023 (Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số đầu năm (01/01/2023)	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ (31/12/2023)
Vay bên liên quan					
Vay ngân hàng	811.268.449.730	1.115.316.695.232		(1.202.868.651.912)	723.716.493.050
Vay dài hạn đến hạn trả	1.420.375.682		181.175.000	(1.601.550.682)	-
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả			200.000.000.000		200.000.000.000
Cộng	812.688.825.412	1.115.316.695.232	200.181.175.000	(1.204.470.202.594)	923.716.493.050

17b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ (31/12/2023)	Số đầu năm (01/01/2023)
Vay bên liên quan		
Vay dài hạn ngân hàng		999.400.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Thăng Long ⁽ⁱ⁾		999.400.000
Trái phiếu thường dài hạn ⁽ⁱⁱ⁾		200.000.000.000
Trái phiếu DPGH2124001		200.000.000.000
Cộng		200.999.400.000

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long để mua sắm máy móc thiết bị với thời hạn vay 60 tháng, lãi suất thả nổi, được điều chỉnh 1 đến 6 tháng một lần. Tài sản đảm bảo là các tài sản hình thành từ vốn vay.

(ii) Trái phiếu không chuyển đổi và có đảm bảo kỳ hạn 03 năm, mệnh giá 100.000.000 VND/trái phiếu, lãi suất 10,5% trong năm đầu tiên kể từ ngày phát hành (ngày 28 tháng 10 năm 2021), từ năm thứ 2 lãi suất sẽ tính bằng bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng Việt Nam Đồng kỳ hạn 12 tháng trả sau áp dụng với khách hàng cá nhân của 4 Ngân hàng (gồm Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam) cộng biên độ 3,5%/năm (trong mọi trường hợp lãi suất không thấp hơn 10,5%/năm) và được thanh toán định kỳ mỗi 6 tháng. Tài sản đảm bảo là 19.000.000 cổ phiếu đang lưu hành và tự do chuyển nhượng của Công ty thuộc sở hữu của Ban lãnh đạo Công ty có giá trị luôn ít nhất bằng 200% tổng giá trị Trái phiếu phát hành. Tổng mệnh giá trái phiếu phát hành là 300.000.000.000 VND. Toàn bộ số tiền thu được sau khi phát hành được cung cấp cho Công ty Cổ phần Đạt Phương Hội An (Công ty con) để thực hiện Dự án Khu đô thị Cồn Tiên, xã Cẩm Thanh, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam. Các chi phí phát hành trái phiếu, lãi trái phiếu phát sinh do Công ty con chi trả. Năm 2022, Công ty đã mua lại trước hạn 1.000 trái phiếu với tổng giá trị 100.000.000.000 VND.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Số cuối kỳ (31/12/2023)				
Vay dài hạn ngân hàng				
Trái phiếu thường	200.000.000.000	200.000.000.000		
Cộng	200.000.000.000	200.000.000.000		
Số đầu năm (01/01/2023)				
Vay dài hạn ngân hàng	2.419.775.682	1.420.375.682	999.400.000	
Trái phiếu thường	200.000.000.000	-	200.000.000.000	
Cộng	202.419.775.682	1.420.375.682	200.999.400.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2023 (Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm (01/01/2023)	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Trả nợ/Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Số cuối kỳ (31/12/2023)
Vay dài hạn ngân hàng	999.400.000		(999.400.000)	
Trái phiếu thường	200.000.000.000		(200.000.000.000)	
Cộng	200.999.400.000		(200.999.400.000)	

18. Dự phòng phải trả ngắn hạn/dài hạn**18a. Dự phòng phải trả ngắn hạn****18b. Dự phòng phải trả dài hạn**

Dự phòng phải trả dài hạn liên quan đến Dự phòng bảo hành công trình xây lắp. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm (01/01/2023)	684.089.741
Kết chuyển sang dự phòng phải trả ngắn hạn	-
Số cuối kỳ (31/12/2023)	684.089.741

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm (01/01/2023)	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ (31/12/2023)
Quỹ khen thưởng	4.283.285.179		(1.515.000.000)	2.768.285.179
Quỹ phúc lợi	6.898.763.967		(3.071.975.623)	3.826.788.344
Cộng	11.182.049.146		(4.586.975.623)	6.595.073.523

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2023 (Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	629.995.540.000	17.732.079.678	41.352.798.365	252.221.755.454	941.302.173.497
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	113.995.517.433	113.995.517.433
Chia cổ tức	-	-	-	(62.999.554.000)	(62.999.554.000)
Trích quỹ khen thưởng	-	-	-	(1.782.217.468)	(1.782.217.468)
Số dư cuối năm trước	629.995.540.000	17.732.079.678	41.352.798.365	301.435.501.419	990.515.919.462
Số dư đầu năm nay	629.995.540.000	17.732.079.678	41.352.798.365	301.435.501.419	990.515.919.462
Trả cổ tức				(62.999.554.000)	(62.999.554.000)
Lợi nhuận trong kỳ				207.700.415.866	207.700.415.866
Trích lập các quỹ					-
Số dư cuối kỳ này	629.995.540.000	17.732.079.678	41.352.798.365	446.136.363.285	1.135.216.781.328

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2023 (Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ (31/12/2023)	Số đầu năm (01/01/2023)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	62.999.554	62.999.554
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	62.999.554	62.999.554
- Cổ phiếu phổ thông	62.999.554	62.999.554
- Cổ phiếu ưu đãi	0	0
Số lượng cổ phiếu được mua lại	0	0
- Cổ phiếu phổ thông	0	0
- Cổ phiếu ưu đãi	0	0
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	62.999.554	62.999.554
- Cổ phiếu phổ thông	62.999.554	62.999.554
- Cổ phiếu ưu đãi	0	0

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20b. Phân phối lợi nhuận

Công ty đã phân phối lợi nhuận như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông bằng tiền (10%)	62.999.554.000
• Trích quỹ Khen thưởng, Phúc lợi	0

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Quý 4 năm 2023	Quý 4 năm 2022	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022
Doanh thu hợp đồng XD	1.229.447.903.995	763.265.978.232	2.863.291.341.392	2.237.555.493.249
Doanh thu bán hàng hóa	0	0	0	447.975.454
Doanh thu cung cấp dịch vụ	21.968.218.422	18.747.318.850	78.411.194.059	61.031.067.557
Doanh thu chuyển nhượng dự án đầu tư	0	0	0	21.000.000.000
Cộng	1.251.416.122.417	782.013.297.082	2.941.702.535.451	2.320.034.536.260

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con.

2. Giá vốn hàng bán

	Quý 4 năm 2023	Quý 4 năm 2022	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022
Giá vốn của hợp đồng XD	1.157.512.825.405	754.696.486.259	2.729.804.795.315	2.158.693.522.276
Giá vốn hàng hóa đã bán	0	0	0	441.886.768
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	16.390.882.748	14.908.585.775	51.259.200.209	41.967.916.032
Cộng	1.173.903.708.153	769.605.072.034	2.781.063.995.524	2.201.103.325.076

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2023 (Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý 4 năm 2023</u>	<u>Quý 4 năm 2022</u>	<u>Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023</u>	<u>Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.747.580.526	2.928.848.791	15.745.805.582	8.731.682.225
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	118.391.789	43.855.248	693.162.119	137.143.373
Lãi tiền cho vay	1.574.520.548	0	1.646.794.520	2.818.812.474
Cổ tức, lợi nhuận được chia	73.337.400.000	61.686.600.000	135.024.000.000	79.604.552.210
Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.904.224.889	4.140.568.647	15.663.569.464	9.175.566.954
Cộng	81.682.117.752	68.799.872.686	168.773.331.685	100.467.757.236

4. Chi phí tài chính

	<u>Quý 4 năm 2023</u>	<u>Quý 4 năm 2022</u>	<u>Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023</u>	<u>Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022</u>
Chi phí lãi vay	12.580.147.877	15.235.486.969	58.770.812.056	50.972.671.871
Lỗ chênh lệch tỷ giá	0	0	6.175.285	
Chi phí mượn tài sản mang đi thế chấp	47.654.008	130.825.512	437.761.789	519.035.999
Cộng	12.627.801.885	15.366.312.481	59.214.749.130	51.491.707.870

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý 4 năm 2023</u>	<u>Quý 4 năm 2022</u>	<u>Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023</u>	<u>Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022</u>
Chi phí cho nhân viên	12.110.254.569	10.596.126.704	30.353.098.441	28.940.758.485
Chi phí vật liệu	210.046.383	266.733.083	848.972.555	927.877.820
Chi phí đồ dùng văn phòng	47.426.098	76.061.625	286.615.443	450.830.836
Chi phí khấu hao tài sản cố định	528.998.105	583.332.253	2.252.006.687	2.373.812.659
Thuế, phí và lệ phí	479.408	103.743.014	30.814.657	251.006.152
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.448.868.253	3.310.163.784	6.260.116.111	10.716.451.571
Các chi phí khác	362.139.752	467.514.884	2.126.895.159	2.872.138.626
Cộng	14.708.212.568	15.403.675.347	42.158.519.053	46.532.876.149

6. Thu nhập khác

	<u>Quý 4 năm 2023</u>	<u>Quý 4 năm 2022</u>	<u>Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023</u>	<u>Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		283.164.983	309.090.909	2.997.667.875
Thu từ thanh lý CCDC		327.725.000		12.340.957.000
Thu nhập khác	81.488.375	380.281.132	81.488.375	883.018.483
Cộng	81.488.375	991.171.115	390.579.284	16.221.643.358

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2023 (Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Chi phí khác

	<u>Quý 4 năm 2023</u>	<u>Quý 4 năm 2022</u>	<u>Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023</u>	<u>Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022</u>
Giá trị còn lại của CCDC bán thanh lý				10.743.011.506
Chi phí khác	(12.400.000)	788.026.568	766.229.325	1.209.143.942
Cộng	(12.400.000)	788.026.568	766.229.325	11.952.155.448

8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Quý 4 năm 2023</u>	<u>Quý 4 năm 2022</u>	<u>Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023</u>	<u>Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	112.239.861.521	31.920.537.244	183.054.943.221	240.973.697.110
Chi phí nhân công	39.629.600.749	25.164.097.372	67.556.268.655	78.601.044.801
Chi phí khấu hao tài sản CĐ	4.958.061.891	2.723.222.276	10.067.669.244	12.776.030.874
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.797.880.268.722	654.586.138.850	2.523.300.321.200	1.779.522.207.538
Chi phí khác	1.922.613.878	768.905.318	3.661.773.993	5.264.787.164
Cộng	1.956.630.406.761	715.162.901.060	2.787.640.976.313	2.117.137.767.487

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Lũy kế đến kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi cho vay nhập gốc		3.794.508.855
Lãi tiền gửi nhập gốc	814.948.360	972.328.767

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và chỉ phát sinh các giao dịch sau với các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2023 (Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Lũy kế đến kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Phí mượn tài sản đảm bảo:		
- Ông Lương Minh Tuấn	180.189.493	263.361.000
- Ông Phạm Kim Châu	117.600.000	117.600.000
- Bà Lương Thị Lan – Bên liên quan của Hội đồng quản trị	39.291.000	39.291.000

Cam kết bảo lãnh

Ông Lương Minh Tuấn và ông Phạm Kim Châu dùng quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Thăng Long với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này tối đa là 18.141.000.000 VND (xem thuyết minh số V.16).

Ông Lương Minh Tuấn, ông Trần Anh Tuấn, ông Phạm Kim Châu, bà Lương Thị Thanh cũng dùng cổ phần của Công ty thuộc sở hữu của mình để làm tài sản đảm bảo cho việc phát hành trái phiếu của Công ty (xem thuyết minh số V.16)

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Lũy kế đến kỳ này			
	Tiền lương, phụ cấp	Thù lao	Thưởng	Cộng thu nhập
Năm nay				
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc				
Ông Lương Minh Tuấn - Chủ tịch HĐQT		1.905.120.000	4.500.000	1.909.620.000
Ông Phạm Kim Châu - Phó Chủ tịch/Phó Tổng GD	1.277.623.000	300.000.000	4.500.000	1.582.123.000
Ông Trần Anh Tuấn - Ủy viên HĐQT/Tổng Giám đốc	1.200.120.000	300.000.000	4.500.000	1.504.620.000
Ông Đặng Hoàng Huy - Ủy viên từ ngày 24/04/2021		325.000.000		325.000.000
Ông Đỗ Xuân Diệm - Ủy viên từ ngày 24/04/2021		780.000.000		780.000.000
Bà Lê Thị Thu Trang - Ủy viên từ ngày 24/04/2021		924.000.000		924.000.000
Ông Hoàng Gia Chiêu - Phó Tổng Giám đốc	1.211.224.000		4.500.000	1.215.724.000
Ông Ngô Đức Tình - Phó Tổng Giám đốc	372.470.000		-	372.470.000
Ông Phạm Quang Bình - Phó Tổng Giám	1.208.624.000		4.500.000	1.213.124.000
Ông Đinh Gia Nội - Phó Tổng Giám	904.470.000		4.500.000	908.970.000
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Doan – Trợ lý Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc kinh doanh Bất động sản	963.100.000		4.500.000	967.600.000
Bà Lã Thị Minh Loan – Giám đốc tài chính	1.194.995.000		4.500.000	1.199.495.000
Bà Đỗ Thị Thu - Kế toán trưởng	995.780.819		4.500.000	1.000.280.819
Ban Kiểm soát, ban kiểm toán nội bộ				-
Bà Nguyễn Thị Việt Hà - Trưởng Ban KTNB	541.600.000	263.829.122	4.500.000	809.929.122
Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh – Thành viên	451.760.000	20.000.000	4.500.000	476.260.000
Bà Trần Thị Thùy Anh – Thành viên	133.360.000		1.500.000	134.860.000
Ông Lê Văn Quyết - Kiểm soát	92.200.000	16.000.000	1.500.000	109.700.000
Cộng	10.547.326.819	4.833.949.122	52.500.000	15.433.775.941

Năm trước

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2023 (Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Lũy kế đến kỳ này			
	Tiền lương, phụ cấp	Thù lao	Thưởng	Cộng thu nhập
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc				
Ông Lương Minh Tuấn - Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	1.837.920.000	4.500.000	1.842.420.000
Ông Phạm Kim Châu - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	1.270.600.000	300.000.000	4.500.000	1.575.100.000
Ông Trần Anh Tuấn - Ủy viên HĐQT kiêm Tổng GĐ	1.350.180.000	300.000.000	4.500.000	1.654.680.000
Ông Đặng Hoàng Huy - Ủy viên Hội đồng quản trị	-	325.000.000	-	325.000.000
Ông Đỗ Xuân Diện - Ủy viên Hội đồng quản trị	-	780.000.000	-	780.000.000
Bà Lê Thị Thu Trang - Ủy viên Hội đồng quản trị	-	501.000.000	-	501.000.000
Ông Ngô Đức Tình - Phó Tổng Giám đốc	378.730.000	-	3.000.000	381.730.000
Ông Hoàng Gia Chiểu - Phó Tổng Giám đốc	1.135.980.000	-	4.500.000	1.140.480.000
Ông Phạm Quang Bình - Phó Tổng Giám đốc từ ngày 04/4/2022	854.480.000	-	2.500.000	856.980.000
Ông Đinh Gia Nội - Phó Tổng Giám đốc từ ngày 04/4/2022	684.920.000	-	4.500.000	689.420.000
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Doan – Trợ lý Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc kinh doanh Bất động sản	945.560.000	-	4.500.000	950.060.000
Bà Lã Thị Minh Loan – Giám đốc tài chính	970.082.500	-	4.500.000	974.582.500
Bà Đỗ Thị Thu - Kế toán trưởng Bổ nhiệm ngày 20/07/2021	728.250.000	-	4.500.000	732.750.000
Ban Kiểm soát				
Bà Nguyễn Thị Việt Hà - Trưởng Ban Kiểm soát Bổ nhiệm ngày 12/05/2022	-	417.642.455	1.500.000	419.142.455
Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh - Kiểm soát viên	255.090.000	160.500.000	4.500.000	420.090.000
Ông Đoàn Văn Công - Trưởng Ban Kiểm soát	328.444.000	48.000.000	4.500.000	380.944.000
Ông Lê Văn Quyết - Kiểm soát viên	-	115.346.667	1.500.000	116.846.667
Cộng	8.902.316.500	4.785.409.122	53.500.000	13.741.225.622

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần xây dựng Đạt Phương số 1	Công ty con
Công ty Cổ phần xây dựng Đạt Phương số 2	Công ty con
Công ty Cổ phần thủy điện Đạt Phương Sông Bung	Công ty con
Công ty Cổ phần thủy điện Đạt Phương Sơn Trà	Công ty con
Công ty Cổ phần Đạt Phương Hội An	Công ty con
Công ty TNHH Thực phẩm Bee	Công ty con
Công ty TNHH Fukunana	Công ty con

Giao dịch với các bên liên quan khác

Xem thuyết minh số V.2c.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.6, V.11 và V.12.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Handico, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2023 (Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh là xây lắp và trong một khu vực địa lý là lãnh thổ Việt Nam nên không trình bày báo cáo bộ phận.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 30 tháng 01 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lê Thị Hà

Đỗ Thị Thu

Trần Anh Tuấn